

# Bản tin chứng khoán

## Trong số này

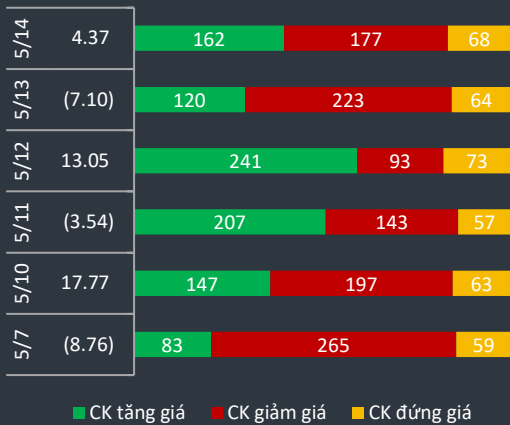
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

### Độ rộng thị trường



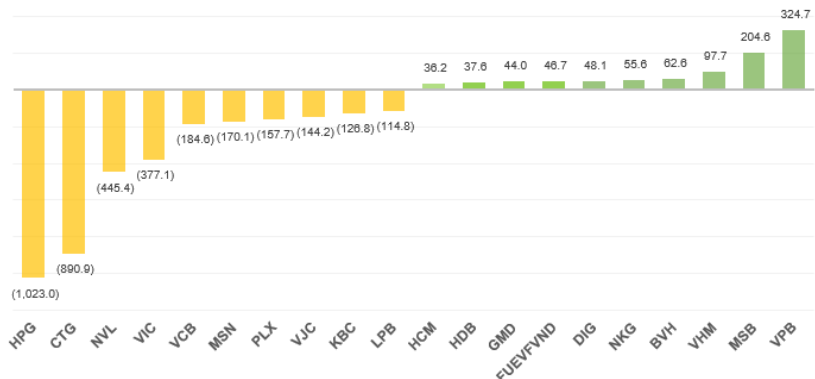
### Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

FUEVFVND	23.4
HDB	19.2
BVH	17.4
E1VFN30	15.9
HPP	8.6
DIG	7.3
KBC	5.0
DGW	4.9
LCG	3.0
SMC	2.8
DHC	2.8
PLX	(51.5)
VHM	(52.7)
VPB	(53.1)
MSN	(73.0)
VNM	(114.9)
MBB	(129.3)
VIC	(144.5)
CTG	(158.7)
HPG	(411.1)

Thị trường phiên cuối tuần giảm nhẹ với số mã giảm nhiều hơn mã tăng nhưng chốt phiên vẫn xanh nhẹ hơn 4 điểm. Thanh khoản chung của thị trường tiếp tục khả quan với trên 20 ngàn tỷ riêng sàn HOSE. Nhóm ngân hàng vẫn là nhóm chiếm giao dịch nhiều nhất với khoảng trên 30% giá trị giao dịch trải rộng ở các mã VPB, STB, CTG, MBB, TCB. Trong ngày nhóm ngân hàng hầu như tăng điểm tốt dẫn đầu là SHB, NVB, ABB, HDB, VPB. Chỉ duy nhất BID giảm nhẹ 0.5%.

Có khá nhiều cổ phiếu tăng ấn tượng trong ngày nổi bật như nhóm phân đạm và phân phối như DCM, DGW hay MSN, MML. Nhóm cổ phiếu đầu cơ bất ngờ FLC tăng trần trở lại lên 12.25 và cuối phiên dư mua cũng hơn 15 triệu đơn vị. ROS cũng tăng 3.4% lên 7.5.

Điểm nhấn trong ngày là mức bán ra đến 1675 tỷ của vốn ngoại. Khối này xả rất lớn nửa cuối phiên sáng sang đầu phiên chiều, là nguyên nhân tạo nên một nhịp rơi khá nhanh.. Trong nhóm bán ròng nhiều nhất là HPG đến 411 tỷ đồng, bên cạnh CTG, VIC, MBB, VNM, MSN. Tính chung cả tuần thì khối ngoại bán ròng hơn 3,500 tỷ đồng, có thể xem là một trong những tuần lễ bán ròng nặng nhất từ đầu năm đến nay. Tuy nhiên có thể nhận thấy dòng tiền trong nước vẫn cân khá tốt và thị trường không có biểu hiện chao đảo trước áp lực bán ra liên tục của khối ngoại.

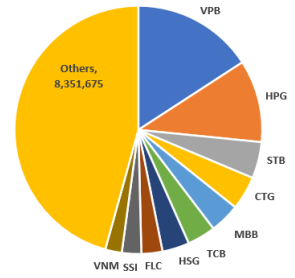


Vnindex 1,266.36

▼ +4.37 (+0.35%)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



### Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
MSN	108.1	5,100	4.95
HDB	31.2	900	2.97
VPB	66.6	1,500	2.30
REE	56.0	1,000	1.82
VIB	62.3	1,100	1.80
MWG	142.5	2,500	1.79
PLX	54.8	800	1.48
TPB	32.0	450	1.43
TCB	48.7	650	1.35
PDR	72.0	900	1.27
CTG	47.0	500	1.08
FPT	84.8	800	0.95
VJC	117.9	900	0.77
SSI	35.3	250	0.71
ACB	36.5	250	0.69
DHG	95.0	500	0.53
SAB	154.9	700	0.45
POW	12.3	50	0.41
STB	26.4	100	0.38
BVH	55.8	200	0.36
VHM	97.2	200	0.21
MBB	33.0	50	0.15
VCB	96.9	100	0.10
NVL	134.1	100	0.07
HVN	27.3	-	-
PNJ	94.2	(100)	(0.11)
HPG	61.4	(100)	(0.16)
BCM	54.4	(100)	(0.18)
BID	42.4	(250)	(0.59)
GVR	26.3	(200)	(0.75)
VRE	30.7	(250)	(0.81)
VIC	125.3	(1,200)	(0.95)
VNM	89.5	(1,000)	(1.10)
GAS	84.1	(1,500)	(1.75)

Chỉ số Vnindex tuần qua đã tăng hơn 25 điểm và lần nữa lại chạm vùng kháng cự nhạy cảm 1270. Khả năng Vnindex vượt qua đỉnh cũ trong tuần tới là có thể xảy ra khi nhiều cổ phiếu blue chip vẫn đang trong vùng tích lũy như VNM, GAS, VCB, VIC. Kích bản khả thi nhất là chỉ số Vnindex có thể tiếp tục dao động dzich dzac theo hướng lên với mục tiêu tiệm cận gần hơn vùng 1200. Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ cổ phiếu và ưu tiên nhiều hơn vào nhóm ngân hàng, chứng khoán, phân phối, thép trong ngắn hạn. Nhóm cổ phiếu thép có thể điều chỉnh thêm một nhịp nữa sau đó phục hồi theo hướng đi lên vì vậy nhà đầu tư có thể cơ cấu tiếp tục tích lũy.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
NKG	30.6	1.8	17	23	Mua quanh 18-19. Mục tiêu 35	3/3/2021	61.1%
CTG	47.0	7.3	30	40	Nắm giữ. Mục tiêu 50	2/3/2021	34.7%
OCB	24.2		18	30	Mua quanh 20. Mục tiêu 28	2/3/2021	15.2%
HPG	61.4	1.0	38	50	Mua quanh 38-40. Mục tiêu 70	2/3/2021	46.2%
MWG	142.5	1.6	120	150	Mua quanh 115-120. Mục tiêu 150	2/3/2021	11.8%
STB	26.4	10.0	15	22	Mua quanh 16-17. Mục tiêu 27	2/3/2021	46.7%
DIG	28.6	5.7	30	38	Mua quanh 32. Mục tiêu 38	3/22/2021	-3.1%
D2D	54.1	3.2	52	65	Mua quanh 52-53. Mục tiêu 65	5/4/2021	4.0%
SZC	36.0	6.2	32	44	Mua quanh 33-34. Mục tiêu 40	5/4/2021	7.5%
PET	21.6	4.3	20	25	Mua quanh 20, mục tiêu 27	5/4/2021	9.6%
KBC	35.4	(2.7)	32	46	Mua quanh 37, mục tiêu 50	5/4/2021	-4.3%
PNJ	96.0	(1.4)	75	90	Chốt lãi	2/3/2021	15.8%
MBB	33.0	4.4	20	27	Chốt lãi quanh 33-35	2/3/2021	35.8%
FPT	85.0	2.2	55	75	Chốt lãi	2/3/2021	21.4%
VPB	66.6	8.3	30	40	Chốt lãi	2/3/2021	87.6%
HSG	36.8	0.3	18	28	Chốt lãi	2/3/2021	54.0%
DGW	130.0	10.1	90	120	Chốt lãi	3/3/2021	30.0%

Chốt lời

# HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

## Top tăng giá HOSE

YBM	5.27
YBM	5.27
HAI	5.32
VCI	5.62
DPM	5.74
DCM	6.01
HTT	6.25
VID	6.31
DGW	6.50
KMR	6.81
BFC	6.86
SJS	6.88
TDH	6.90
TTB	6.91
TGG	6.97
FLC	6.99
CLG	9.09
LMH	14.29
ATG	83.33

## Top tăng giá HNX

NHA	4.61
ITQ	5.26
NVB	5.95
AAV	6.12
NRC	6.25
TTZ	6.45
SPI	7.02
HLY	7.48
TFC	7.79
LAS	7.92
MPT	9.09
KLF	9.62
VBC	9.64
MAC	9.68
SHB	10.00
ASA	12.12

**LTG** - CTCP Tập đoàn Lộc Trời - Năm 2021, trình cổ đông kế hoạch truyền thống với doanh thu 14.155 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 400 tỷ đồng, lần lượt tăng 88,6% và 8,5% so với thực hiện năm 2020.

Trong giai đoạn 2020 – 2024, LTG dự kiến sẽ phát hành tối đa là 3%/năm trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành, giá phát hành dự kiến là 10.000 đồng/cổ phiếu.

**TTB** - CTCP Tập đoàn Tiến Bộ - Đã thông qua phương án phát hành chào bán 50 triệu cổ phiếu riêng lẻ cho một số cá nhân và tổ chức đã được xác định với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện trong quý II, quý III/2021.

**TGG** - CTCP Xây dựng và Đầu tư Trường Giang – Đã thông qua chủ trương thoái một phần vốn góp, tương ứng 3,5 triệu cổ phần sở hữu tại CTCP Đầu tư hạ tầng công nghiệp Tân Vinh.

**PLX** - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Thông báo, bắt đầu đăng ký bán 25 triệu cổ phiếu quỹ từ ngày 24/5 đến 22/6 theo phương thức khốp lệnh.

**UIC** - CTCP Đầu tư phát triển nhà và Đô thị IDICO - Ngày 28/5 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức còn lại năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 31/5. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 10/6/2021.

**BMP** - CTCP Nhựa Bình Minh - Ngày 17/5 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức còn lại năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 18/5. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 14,8%, thanh toán bắt đầu từ ngày 04/6/2021.

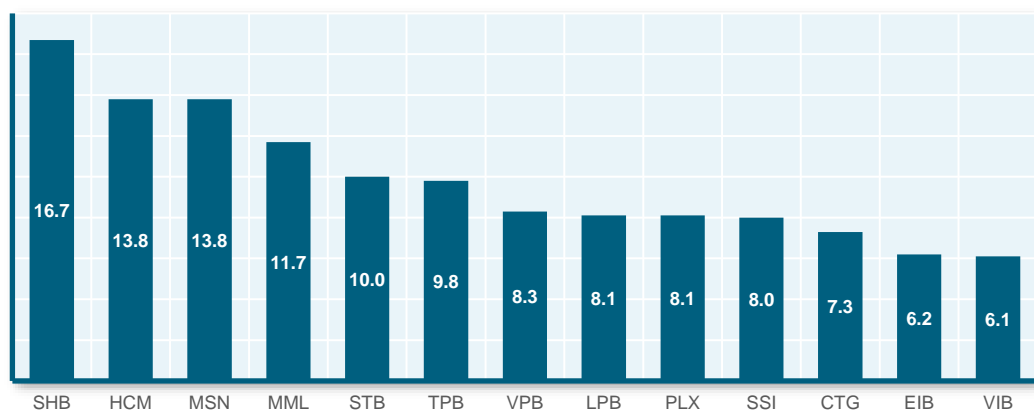
**APF** - CTCP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi - Ngày 28/5 sẽ chốt danh sách cuối cùng thực hiện quyền hưởng cổ tức đợt 2/2020. Công ty sẽ chi trả cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 35%, tương ứng 1 cổ phiếu nhận được 3.500 đồng. Thời gian thanh toán vào ngày 11/6.

**TLH** – CTCP Thép Tiến Lên - Công bố kết quả kinh doanh tháng 4 với doanh thu thuần 779 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 115,3 tỷ đồng. Riêng với công ty mẹ, doanh thu đạt 334 tỷ đồng, lãi sau thuế 35 tỷ đồng. Lũy kế 4 tháng, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu 1.758 tỷ đồng; lãi sau thuế 235 tỷ đồng. Doanh nghiệp thép thực hiện được 34% chỉ tiêu doanh thu và 94% chỉ tiêu lợi nhuận năm.

**NVL** – CTCP Novaland - Dự kiến phát hành 385,9 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 555:198 (sở hữu 555 cổ phiếu được nhận 198 cổ phiếu mới) từ thặng dư vốn cổ phần. Qua đó, vốn điều lệ tăng từ 10.728 tỷ đồng lên 14.587 tỷ đồng. Thời gian thực hiện trong năm 2021.



## Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



## Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
ABB	HOSE	18.8	6,584,869	8.5	1.2	-	-	10,741	30.00	2,218	16,320
ACB	HOSE	36.5	6,118,400	8.3	2.1	553,530	553,530	78,789	30.00	4,419	17,547
BAB	HNX	25.5	54,139	27.2	2.1	2,800	-	18,067	-	939	12,064
BID	HOSE	42.4	2,724,600	20.2	2.1	4,900	345,900	170,332	16.74	2,103	20,453
CTG	HOSE	47.0	17,062,600	9.9	1.9	60,900	3,437,500	175,000	25.69	4,761	24,665
EIB	HOSE	27.3	776,900	38.3	2.0	10,300	500	33,564	29.83	713	13,822
HDB	HOSE	31.2	7,556,800	7.7	1.9	876,900	258,500	49,726	17.35	4,066	16,572
LPB	UPCOM	23.4	17,542,000	10.5	1.7	4,200	2,162,000	25,093	4.58	2,239	14,059
MBB	HOSE	33.0	21,651,900	8.4	1.7	263,200	4,170,400	92,359	23.03	3,912	19,196
MSB	HOSE	23.4	11,371,400	9.6	1.5	5,600	-	27,074	29.94	2,436	15,368
NVB	HNX	17.8	10,250,806		1.7	3,000	-	7,241	8.73	27	10,532
OCB	HOSE	24.2	3,001,800	7.2	1.4	20,000	59,000	26,466	15.00	3,341	16,848
SHB	HNX	28.6	42,055,833	14.2	2.0	18,430	14,900	50,065	3.95	2,013	14,631
SSB	HOSE	30.3	3,100,400	22.8	2.6	-	-	36,565	-	1,331	11,769
STB	HOSE	26.4	32,742,600	17.7	1.6	802,000	2,281,500	47,616	11.90	1,495	16,485
TCB	HOSE	48.7	13,905,300	12.0	2.2	-	-	170,514	22.49	4,074	22,566
TPB	HOSE	32.0	7,273,700	7.3	1.8	10,000	-	32,961	30.00	4,354	17,399
VCB	HOSE	96.9	1,403,600	17.0	3.6	13,800	437,700	359,390	23.36	5,708	27,234
VIB	HOSE	62.3	1,461,700	11.8	3.6	100	2,300	69,115	20.48	5,297	17,420
VPB	HOSE	66.6	44,422,200	14.4	2.9	2,297,900	3,067,000	163,486	21.45	4,628	22,811
			<b>251,061,547</b>	<b>14.35</b>	<b>2.07</b>	<b>4,947,560</b>	<b>16,790,730</b>	<b>1,644,163</b>		<b>3,004</b>	<b>17,388</b>

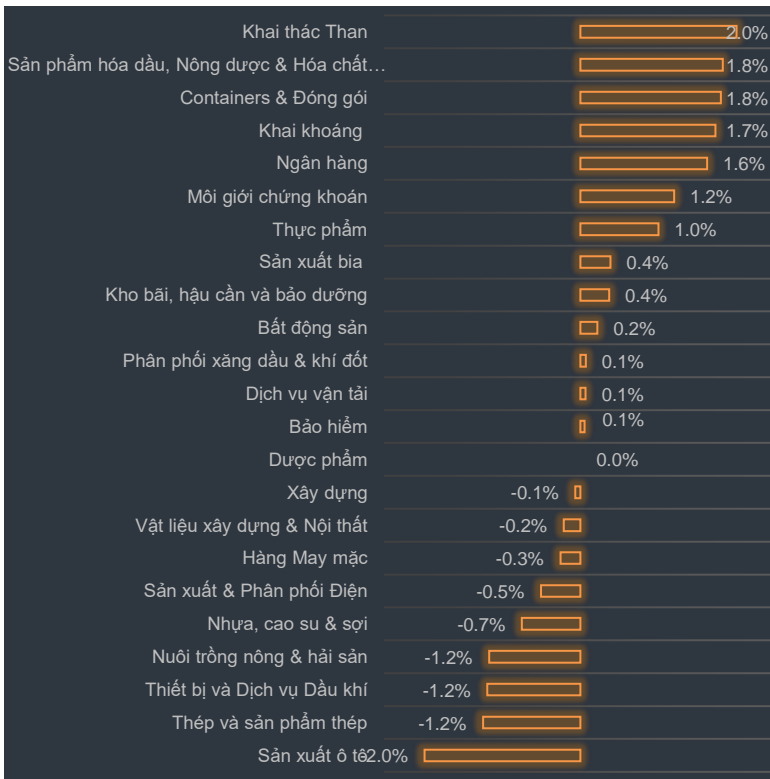




### Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	CST	UPCoM	9/6/2021	10/6/2021	29/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	SIV	UPCoM	4/6/2021	7/6/2021	21/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	NDC	UPCoM	3/6/2021	4/6/2021	23/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	SMC	HOSE	3/6/2021	4/6/2021	18/05/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	CLW	HOSE	2/6/2021	3/6/2021	19/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	TC6	HNX	1/6/2021	2/6/2021	29/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	CMD	UPCoM	1/6/2021	2/6/2021	15/06/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	GDW	HNX	28/05/2021	31/05/2021	15/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	UIC	HOSE	28/05/2021	31/05/2021	10/6/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	DTT	HOSE	28/05/2021	31/05/2021	20/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	DPC	HNX	28/05/2021	31/05/2021	15/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	PTP	UPCoM	28/05/2021	31/05/2021	11/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	TOT	UPCoM	28/05/2021	31/05/2021	15/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	KGM	UPCoM	28/05/2021	31/05/2021	7/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 830 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	CTW	UPCoM	28/05/2021	31/05/2021	26/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 688 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	HPU	UPCoM	28/05/2021	31/05/2021	15/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	NTH	HNX	27/05/2021	28/05/2021	16/06/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	VHL	HNX	27/05/2021	28/05/2021	6/7/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	APF	UPCoM	27/05/2021	28/05/2021	11/6/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 3,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	PHN	HNX	26/05/2021	27/05/2021	10/6/2021	Trả cổ tức đợt 3/2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	PHN	HNX	26/05/2021	27/05/2021	10/6/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	BMN	UPCoM	25/05/2021	26/05/2021	18/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	CMK	UPCoM	25/05/2021	26/05/2021	14/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	PEN	HNX	25/05/2021	26/05/2021	24/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	IBD	UPCoM	25/05/2021	26/05/2021	10/6/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 201 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	EVE	HOSE	24/05/2021	25/05/2021	2/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	HNI	UPCoM	24/05/2021	25/05/2021	7/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 4,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	TNP	UPCoM	24/05/2021	25/05/2021	4/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

# Tăng giảm ngành trong ngày



## Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

**Bất động sản:** FLC, SJS, TDH

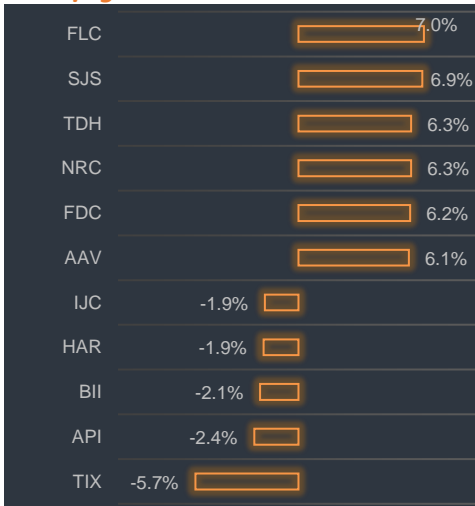
**Xây dựng:** TGG, SJE, VSI

**Dầu khí:** HTC, CNG, PGD

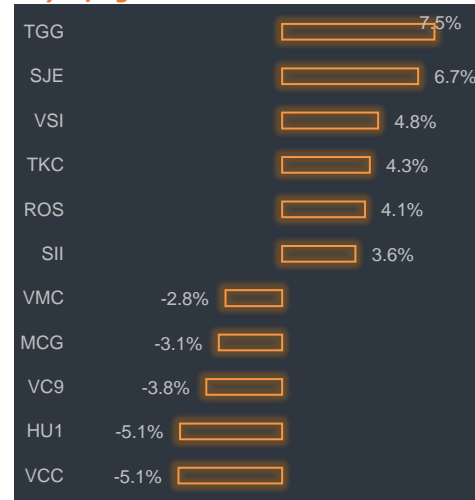
**Chứng khoán:** VCI, WSS, FTS

**Ngân hàng:** SHB, NVB, ABB

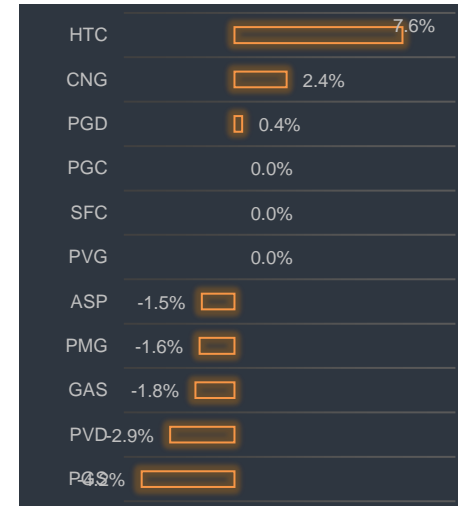
### Bất động sản



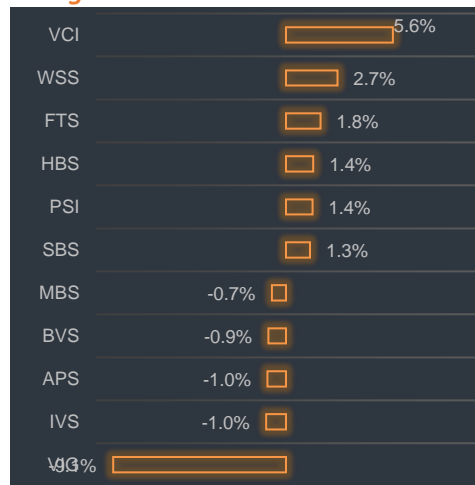
### Xây dựng



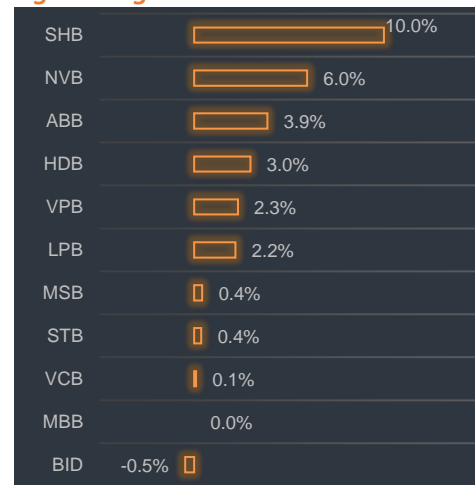
### Dầu khí



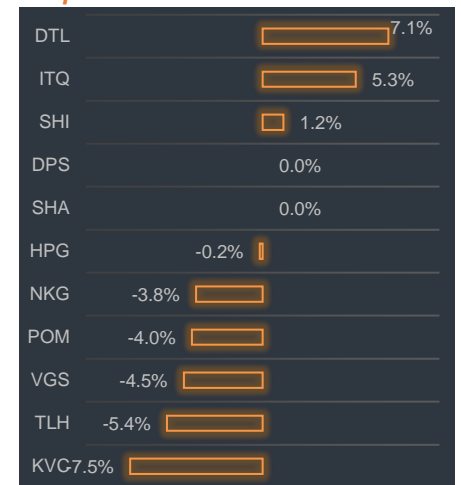
### Chứng khoán



### Ngân hàng



### Thép



## Tổng hợp kế hoạch kinh doanh nhóm ngân hàng

Cổ phiếu	Kế hoạch 2021	VDL (tỷ VND)	LN 2020 (tỷ VND)	EPS	Lợi nhuận Q1.2021	Lợi Nhuận 2020.Q1	yoy
<b>BID</b>	Tăng trưởng huy động vốn phù hợp với sử dụng vốn, dự kiến tăng trưởng 12%-15%. Tăng trưởng dư nợ tín dụng năm 2021 của BIDV dự kiến tăng trưởng 10%-12%; tỷ lệ nợ xấu kiểm soát không vượt 1,6%. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất dự kiến đạt 13.000 tỷ đồng, tăng hơn 40% so với năm 2020. Chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 12,2%	40,220	9,026	2,137	3,250	1,814	79%
<b>CTG</b>	Kế hoạch tăng trưởng dư nợ tín dụng 6-12%, vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư phù hợp với sử dụng vốn dự kiến 8-12%. năm 2021, Ngân hàng đặt mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận từ 10 - 20%, tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2%. VietinBank lấy ý kiến cổ đông tăng vốn điều lệ lên 48.000 tỷ đồng thông qua phát hành hơn 1 tỷ cổ phiếu để trả cổ tức, tương đương tỷ lệ gần 28,8%	37,234	17,085	4,640	7,500	2,974	152%
<b>VCB</b>	Vietcombank được NHNN giao hạn mức tăng trưởng tín dụng 10,5% và có thể tăng khoảng 14%, cao nhất trong khối ngân hàng quốc doanh (chỉ khoảng 6 - 7,5%). Kế hoạch LN trước thuế năm 2021 khoảng 25,200 tỷ	37,089	23,050	5,354	7,000	5,223	34%
<b>TCB</b>	Kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm nay là 19.800 tỷ đồng, tăng 25,3% so với kết quả năm 2020. Dư nợ tín dụng dự kiến đạt gần 356.200 tỷ đồng, tăng trưởng ít nhất 12%. Giá trị huy động vốn (bao gồm chứng chỉ tiền gửi cho khách hàng cá nhân) dự kiến đạt 334.291 tỷ đồng, tăng trưởng ít nhất 14,7%.	35,049	15,800	4,264	6,000	3,121	92%
<b>MBB</b>	Năm 2021, MB đặt mục tiêu tăng lợi nhuận 25 – 30%, tương đương 14.610 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng riêng lẻ tại thời điểm cuối quý 1 khoảng 1,14%, so với mức 1,46% cùng kỳ. Tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu gần 150% (tức là 100 đồng nợ xấu thì ngân hàng dự phòng gần 150 đồng).	27,988	10,688	3,742	4,600	2,196	109%
<b>VPB</b>	Thương vụ thoái vốn khỏi FE Credit của VPBank có thể được hoàn thành trong nửa đầu trong năm 2021 với mức định giá cổ phiếu vào khoảng 3 - 4 lần giá trị sổ sách. Việc bán 49% vốn tại FE Credit sẽ mang về khoản lãi sau thuế 21.000 tỷ đồng. Số tiền này không được ghi nhận như một khoản thu nhập trong kết quả kinh doanh nhưng sẽ làm gia tăng nguồn vốn tự có và giảm chi phí vốn bình quân cho VPBank.	25,300	13,019	4,461	4,000	2,911	37%
<b>ACB</b>	ACB đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng 9% và tăng vốn điều lệ lên 27.019 tỷ đồng thông qua chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 25%. tổng tài sản tăng 10%, tiền gửi khách hàng và tín dụng đều tăng 9%. Lợi nhuận sau thuế dự kiến là 8.482 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2%.	21,616	9,596	3,986	3,100	1,925	61%

<b>HDB</b>	HDBank (HDB) đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 7.281 tỷ đồng, tăng 25% so với năm trước. Tổng tài sản dự kiến tăng 25% đạt 399.320 tỷ đồng, trong đó dư nợ tín dụng tăng 26% đạt 236.758 tỷ đồng, và tổng huy động vốn tăng 25% lên 359.851 tỷ đồng. Ngân hàng cũng trình kế hoạch tăng vốn điều lệ thêm hơn 4.200 qua chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 25%. Ngân hàng sẽ trình xin ý kiến các cổ đông về việc chấm dứt việc sáp nhập với PGBank	16,088	5,818	3,042	1,550	1,251	24%
<b>SSB</b>	SeABank (SSB) đặt mục tiêu lãi trước thuế 2.414 tỷ đồng, tăng 40% so với thực hiện năm trước. Tổng tài sản đến cuối năm lên kế hoạch tăng 10%, đạt 198.229 tỷ đồng. Huy động tiền gửi của khách hàng ở mức 124.277 tỷ đồng, dư nợ cho vay khách 122.978 tỷ đồng, lần lượt tăng 9,7% và 13%. Tỷ lệ nợ xấu dự kiến duy trì dưới 3%.	12,087	1,729	1,402	698	309	126%
<b>MSB</b>	kế hoạch kinh doanh năm 2021 lợi nhuận trước thuế đạt 3.280 tỷ đồng, tăng 30%. Tổng tài sản tính đến cuối năm 2021 mục tiêu đạt 190.000 tỷ đồng, tăng 8%. Trong đó, dư nợ tín dụng đạt 106.208 tỷ đồng, tăng 125%. Vốn huy động tại thị trường I và trái phiếu huy động vốn đạt 114.105 tỷ đồng, tăng 15%. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 3%.	11,750	2,523	2,338	1,200	290	314%
<b>VIB</b>	VIB đặt kế hoạch tăng trưởng tổng tài sản 26%, đưa tài sản của ngân hàng lên trên 300.000 tỷ đồng. Dư nợ tín dụng lên 225.000 tỷ đồng, tương đương 31%. Mục tiêu lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 29%, lên trên 7.500 tỷ đồng. VIB dự kiến tăng vốn bằng hình thức chia cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu 40% và dự kiến phát hành chào bán cổ phiếu. Vốn điều lệ dự kiến sau các phương án tăng vốn này là khoảng 16.000 tỷ đồng,	11,094	5,803	4,706	1,800	1,075	67%
<b>OCB</b>	Ngân hàng xác định mục tiêu tăng trưởng tổng tài sản khoảng 25% và lợi nhuận tăng 30% khoảng trên 5700 tỷ. Mục tiêu tăng trưởng tín dụng khoảng 20%. Tiếp tục bán vốn cho NĐTNN. Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại OCB là 20,13% trong khi room ngoại của ngân hàng đang được khoá ở ngưỡng 22%.	10,959	4,419	3,349	1,275	1,107	15%
<b>TPB</b>	TPBank (HoSE: TPB) đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 5.500 tỷ đồng, tăng 25% so với thực hiện năm trước. Tổng tài sản lên kế hoạch tăng 21% ở mức 250.000 tỷ đồng. Tổng huy động đặt mục tiêu tăng 20% lên 221.893 tỷ đồng. Dự nợ cho vay và trái phiếu tổ chức kinh tế lên mục tiêu tăng 25% lên 165.434 tỷ đồng, tùy thuộc vào mức Ngân hàng Nhà nước cho phép. Tỷ lệ nợ xấu kế hoạch duy trì dưới 2%.	10,717	4,389	3,568	1,400	1,009	39%

EPS: Cập nhật đến Q1.2021





## BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh  
khanhnh@vise.com.vn

## Khuyến cáo

*Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.*

*Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.*

*Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.*

**VISecurities**  
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

### Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

### Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931